

Asian Smokers' Quitline (ASQ)
7-Month Follow-Up Intake Questionnaire (Vietnamese)

Public reporting burden of this collection of information is estimated to average 7 minutes per response, including the time for reviewing instructions, searching existing data sources, gathering and maintaining the data needed, and completing and reviewing the collection of information. An agency may not conduct or sponsor, and a person is not required to respond to a collection of information unless it displays a currently valid OMB control number. Send comments regarding this burden estimate or any other aspect of this collection of information, including suggestions for reducing this burden to CDC/ATSDR Reports Clearance Officer; 1600 Clifton Road NE, MS D-74, Atlanta, Georgia 30333; ATTN: PRA (0920-0856)

Asian Smokers' Quitline (ASQ)

7mo Evaluation

SERVICE

VIETNAMESE

Chào bạn, tôi là _____, nhân viên của Trung tâm Hút thuốc California. Tôi gọi để hỏi ý kiến bạn về phẩm chất của chương dịch vụ do Trung tâm Cai thuốc Lá cung cấp. Nhờ cải thiện chương trình giúp bạn cai thuốc, chúng tôi mong nhận được ý kiến về các tài liệu và chương dịch vụ bạn đã nhận được. Cuộc phỏng vấn này chỉ mất vài phút và bạn chỉ cần trả lời ngắn gọn. Bạn có đồng ý không?

Hi, this is _____ from the University of California. I'm calling to evaluate the quality of service provided by the Asian Smokers' Quitline (ASQ). In order to improve the program, I would like to get your feedback on the services that you received. Your feedback will be summarized along with feedback provided by other people who have used the Quitline. You don't have to answer any questions you don't want to, and you can end the interview at any time. Also, answering or choosing not to answer questions will not change the quitline services you can or will receive. The call will take just a few minutes, may be monitored or recorded for quality assurance and all of your responses will be kept private. Is that OK?"

1. Lần đầu tiên bạn gọi vào Trung tâm Cai thuốc Lá, bạn nghĩ mình sẽ nhận được dịch vụ gì để giúp bạn cai thuốc?

When you first called, what kind of services did you expect to receive to help you quit smoking?

- | | |
|--------------------------------|-------------------|
| • Counseling | • No expectations |
| • Patches / quitting aids | • Other _____ |
| • Certificate | • Don't know |
| • Materials/Booklets/Pamphlets | • Refused |
| • Program Information | • Not Asked |

I'd like to ask you some questions about the written materials . . .

Tôi xin hỏi bạn vài câu về những tài liệu cai thuốc...

2. Bạn có nhận được tài liệu mà Trung tâm Cai thuốc Lá đã gửi cho bạn không?

Did you receive the materials sent by ASQ?

- | | |
|---------------------|------------|
| Yes | Don't Know |
| No / Never received | Refused |
| Not asked | |

3. Bạn đã đọc những tài liệu có chưa?

Did you read the materials sent by ASQ?

- | | |
|-------------------|------------|
| Yes (all or some) | Don't Know |
| No | Refused |
| Not asked | |

4. Bạn có thích những gì về tài liệu không?

Was there anything in particular that you LIKED about the materials?

- | | |
|-----------|------------|
| Yes | Don't Know |
| No | Refused |
| Not asked | |

4a. Bạn đã thích những gì về tài liệu?

What was it that you liked (about the materials)?

- | | |
|------------------------------------|--------------------------|
| • Coping Strategies / Alternatives | • All of it / Everything |
| • Facts / Info | • Other _____ |
| • Suggestions / Tips / Advice | • Don't Know |
| • County list / other resources | • Refused |
| • Pictures / comics | • Not Asked |

5. Bạn có không thích nh»ng gì vř tÆp tài liÆu không?

Was there anything in particular that you DISLIKED about the materials?

Yes

Don't Know/ remember

No

Refused

Not asked

5a. Bạn Cã không thich nh»ng gì vř tÆp tài liÆu?

What was it you disliked (about the materials)?

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none">• Didn't help• Nothing new• Too much info / reading• Cartoons/comics | <ul style="list-style-type: none">• All of it / Everything• Other _____• Don't know• Refused• Not asked |
|---|---|

Now, I would like to ask you some questions regarding ASQ's counseling services.

Bây gi©, tôi xin hi bạn vài câu vř nh»ng cu¶c tũ vãn của Trung Tâm Cai Thuc Lá.

6. Bạn có nhÆn CÜ®c tũ vãn qua ÇiÆn thoãi không?

Did you receive telephone counseling?

Yes

Don't Know

No

Refused

Not asked

6a. Lř do nào khi%on bạn không nhÆn CÜ®c tũ vãn qua ÇiÆn thoãi?

Was there any particular reason for not receiving counseling?

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none">• No time / busy• Counselor didn't call me• I didn't call / I missed counselor's call• Didn't think I needed it /already quit• Not ready | <ul style="list-style-type: none">• No reason at all• Other _____• Don't know• Refused• Not Asked |
|--|---|

7. Bạn cảm thÃy sao vř số iÜ®ng tũ vãn qua ÇiÆn thoãi mà bạn Cã nhÆn CÜ®c? Bạn nghĩ là quá ít, v Çü, hay nhiřu quá?

How did you feel about the number of counseling sessions you received, would you say there were too few, just right or too many?

Too few

• Don't know

Just right

• Refused

Too many

• Not asked

8. Tóm lÃi, bạn sẽ diřn tả chuyên gia tũ vãn của bạn nhÜ th%o nào?

Briefly, how would you describe your counselor? _____

9. Chuyên gia tũ vãn của bạn nhÜ th%o nào trong lãnh v¼c l¼ng nghe bạn nói chuyÆn?

How was your counselor in terms of being a good listener, would you say very good, good or not good?

Very good

Don't know

Good

Refused

Not good

Not asked

10. Bạn có thích nh»ng gì vř nh»ng cu¶c tũ vãn không?

Was there anything in particular that you LIKED about the counseling?

Yes

Don't Know

No

Refused

Not asked

10a. Bạn Đã thích nh»ng gì v» nh»ng cu»c t» v»n?
What was it that you liked (about the counseling)?

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none">• Counselor/Someone to talk to/Support• Information/Advice• # of Counseling Sessions• Counselor Availability | <ul style="list-style-type: none">• All of it / Everything• Other _____• Don't know• Refused• Not asked |
|---|---|

11. Bạn có không thích nh»ng gì v» nh»ng cu»c t» v»n không?
Was there anything in particular that you DISLIKED about the counseling?
Yes Don't Know
No Refused
Not asked

11a. Bạn Đã không thích gì v» nh»ng cu»c t» v»n?
What was it that you disliked (about the counseling)?

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none">• # of counseling sessions (high or low)• Wanted face to face, not phone• Counselor style / personality• Counselor Availability / follow through | <ul style="list-style-type: none">• All of it / Everything• Other _____• Don't know• Refused• Not asked |
|---|---|

12. Nói chung, bạn thấy thoải mái t»i Câu khi nói chuy»n v»i nh»ng nhân viên tr» giúp » Trung Tâm Cai Thuốc Lá? Bạn
r»t thoải mái, thoải mái, hay không thoải mái?
Overall, how comfortable did you feel when talking with ASQ staff? Would you say very comfortable, comfortable or not comfortable?

- | | |
|------------------|--------------|
| Very comfortable | • Don't know |
| Comfortable | • Refused |
| Not comfortable | • Not asked |

13. Nói chung, bạn hài lòng t»i Câu v»i nh»ng dịch v» mà bạn Đã nh»n C»c? Bạn r»t hài lòng, khá hài lòng, t»»ng C»i
hài lòng, hay không hài lòng?

Overall, how satisfied were you with the services you received? Would you say you were very satisfied, mostly satisfied, somewhat satisfied or not at all satisfied?

- | | |
|------------------------|--------------|
| • Very satisfied | • Don't know |
| • Mostly satisfied | • Refused |
| • Somewhat satisfied | • Not asked |
| • Not at all satisfied | |

14. Hi»n gi», bạn hút thuốc lá m»i ngày, vài ngày trong tu»n, hay Đã b» hút thuốc r»i?
Do you currently smoke cigarettes everyday, some days, or not at all?

- | | |
|--------------|--------------|
| • Everyday | • Don't know |
| • Some days | • Refused |
| • Not at all | • Not asked |
| • Smoking | |

1. Bạn Đã bỏ hút thuốc vào ngày nào?

When did you quit? **Most recent quit date:** ____/____/____

1a. Bạn Đã bỏ bao lâu rồi?

How long ago did you quit? ____ days/weeks/months/years

2. Kể từ lần đầu tiên bạn gọi vào Trung Tâm Cai Thuốc Lá ngày (Screen date), bạn Đã thử cai thuốc lá Chưa bao nhiêu lần (kể cả lần này)?

Since you first called ASQ on **(screen date)**, how many times have you tried to quit (including this time)?

Number of times: []

Don't remember exactly, at least: []

Number of imposed/unintended quits: []

☐ Refused

☐ Not Asked

3. Trong những lần Có, có mấy lần bạn cai Chưa được 24 tiếng hay lâu hơn?

Out of those times, how many were for 24 hours or more?

Number of times: []

Don't remember exactly, at least: []

Number of imposed/unintended quits: []

☐ Never quit for ≥ 24 hours

☐ Refused

☐ Not Asked

First Quit Attempt

4. Kể từ ngày (screen date), lần đầu tiên bạn cai thuốc Chưa được 24 tiếng hay lâu hơn là ngày nào?

When did you first quit for 24 hours or more since **(Screen Date)**? ____/____/____

a. Sau lần cai Có **(first attempt date)**, bạn Đã hút lại thuốc xuyên vào ngày nào?

When did you start smoking on a daily basis after **(first attempt date)**? ____/____/____

b. Bạn cai Chưa được bao lâu?

How long did you quit for? ____ days/weeks/months/ years

☐ Don't know

☐ Refused

☐ Not asked

5. (FIRST QUIT ATTEMPT): Trong lần bạn cai thuốc lá Chưa được **(1st quit length)**, bạn có hút một Cìgàrê (hay bẻp 1 hời) thuốc nào không?

During the time you quit for **(1st quit length)**, did you have a cigarette (or puff)?

☐ Yes

☐ No

☐ Don't know

☐ Refused

☐ Not asked

5a. (FIRST QUIT ATTEMPT): Bạn hút Cìgàrê thuốc/bẻp hời thuốc Có vào ngày nào?

When was your first cigarette/puff? ____/____/____

5b. (FIRST QUIT ATTEMPT): Bạn Đã hút liên ti%op mÃy ngày, k< cả ngày bạn bệt CẬu hút lÃi?
How many days in a row did you smoke, including the first day? [_____]

6. (FIRST QUIT ATTEMPT): Trong th©i gian này, bạn có dung m¶t dŨ®c phẩm cai thuÓc nào nhŨ bæng dán nicotine, kỂo gum nicotine, thuÓc viên Zyban hoỷc thuÓc viên Chantix không?

For this quit attempt, did you use anything like the Nicotine Patch, Gum, Zyban or Chantix to help you quit?

- ☐ Yes
☐ No
☐ Don't know
☐ Refused
☐ Not Asked

ThŨ nào? Which ones?	Bản dùng trong bao lâu? How long did you use them for?	Trung bình, bản dùng bao nhiêu m¶i ngày? On average, how many did you use per day?	Bản dung liŖu C¶i nào? What dosage did you use?	Bản dùng trŨc khi cai, trong LẦN cai, hoỷc sau LẦN cai CỐ? Did you use them BEFORE, DURING and/or AFTER your quit attempt?	Bản lÃy CŨ®c tỖ CẬu? Where did you get them?	Bản Cã tỖn bao nhiêu tiŖn? How much money did you spend on them?
☐ Patch	_____ days/weeks/months ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	NOT ASKED	☐ 21mg (step1) ☐ 14mg (step2) ☐ 7mg (step3) ☐ Other: _____ ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Before ☐ During ☐ After ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Bought ☐ Given to me ☐ Help/Quit line ☐ Insurance ☐ Other: _____ ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	☐ \$0, Nothing ☐ \$1-30 ☐ \$31-50 ☐ \$51-100 ☐ More than \$100 ☐ D ☐ R ☐ Z
☐ Gum	_____ days/weeks/months ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	_____/day ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ 2mg ☐ 4mg ☐ Other: _____ ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Before ☐ During ☐ After ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Bought ☐ Given to me ☐ Help/Quit line ☐ Insurance ☐ Other: _____ ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	☐ \$0, Nothing ☐ \$1-30 ☐ \$31-50 ☐ \$51-100 ☐ More than \$100 ☐ D ☐ R ☐ Z
☐ Zyban	_____ days/weeks/months ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	NOT ASKED	NOT ASKED	☐ Before ☐ During ☐ After ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Bought ☐ Given to me ☐ Help/Quit line ☐ Insurance ☐ Other: _____ ☐ Don't Know	☐ \$0, Nothing ☐ \$1-30 ☐ \$31-50 ☐ \$51-100 ☐ More than \$100 ☐ D ☐ R

					☐ Refused ☐ Not Asked	☐ Z
☐ Chantix/ Varenicline	<u> </u> days/weeks/m onths ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	NOT ASKED	NOT ASKED	☐ Before ☐ During ☐ After ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Bought ☐ Given to me ☐ Help/Quit line ☐ Insurance ☐ Other: ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	☐ \$0, Nothing ☐ \$1-30 ☐ \$31-50 ☐ \$51-100 ☐ More than \$100 ☐ D ☐ R ☐ Z
☐ Lozenge	<u> </u> days/weeks/m onths ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	<u> </u> /day ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ 2mg ☐ 4mg ☐ Other: ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Before ☐ During ☐ After ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Bought ☐ Given to me ☐ Help/Quit line ☐ Insurance ☐ Other: ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	☐ \$0, Nothing ☐ \$1-30 ☐ \$31-50 ☐ \$51-100 ☐ More than \$100 ☐ D ☐ R ☐ Z
☐ Other: 	<u> </u> days/weeks/m onths ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	NOT ASKED	NOT ASKED	☐ Before ☐ During ☐ After ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Bought ☐ Given to me ☐ Help/Quit line ☐ Insurance ☐ Other: ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	☐ \$0, Nothing ☐ \$1-30 ☐ \$31-50 ☐ \$51-100 ☐ More than \$100 ☐ D ☐ R ☐ Z
☐ D ☐ R ☐ Z						

*******Last or Only Quit Attempt*******

7. Sau ngày (**recent quit date**), bạn có hút (hay bÆp) Çi%ou thuÓc nào không?
 Have you had a cigarette, or even a puff, since you quit on (**most recent quit date**)?

- ☐ Yes B¶n h¶t Çi%ou thuÓc/h¶i thuÓc Çó vào ngày nào?
 When was your **first** cig./puff? ____/____/____
- ☐ No
☐ Don't know
☐ Refused
☐ Not asked

a. Ngay tr¶c khi b¶n h¶t Çi%ou thuÓc Çó, b¶n ¢ trong hoàn cảnh
 nào hoÆc có chuy¶n gì xảy ra?
 What was the situation just before you smoked that cigarette?

b. B¶n Çã l¶y Çi%ou thuÓc Çó t¶ Çâu?

Where did you get the cigarette?

- | | |
|--|---|
| ☐ Bought a pack | ☐ Asked or took from someone |
| ☐ Bought one or a few | ☐ Other source |
| ☐ Old cigarette pack | ☐ Don't know |
| ☐ Someone offered one | ☐ Refused |

c. **Bản Cã hút liên ti%op mÃy ngày, k< cả ngày bản bít CÀu hút lải?**

How many days in a row did you smoke, including the first day? _____ **day(s).**

☐ Don't know

☐ Ever Since

☐ Refused

☐ Not Asked

d. **LÀn chót bản hút thuÓc, dù chỉ bÆp 1 hÖi là ngày nào?**

When was the last time you had a cigarette, or even a puff?

_____/_____/_____

- ☐ 10 was the last time
☐ Don't know
☐ Refused
☐ Not asked

e. **Ngày trÜsc khi bản hút Çi%ou thuÓc Çó, bản ã trong hoàn cảnh nào ho¥c có chuyÆn gì xảy ra?**

What was the situation just before you smoked that cigarette?

f. **Bản Cã lAy Çi%ou thuÓc Çó tØ CÀu?**

Where did you get the cigarette?

- | | |
|--|---|
| ☐ Bought a pack | ☐ Asked or took from someone |
| ☐ Bought one or a few | ☐ Other source |
| ☐ Old cigarette pack | ☐ Don't know |
| ☐ Someone offered one | ☐ Refused |

g. **Bản Cã hút liên ti%op mÃy ngày, k< cả ngày bản bít CÀu hút lải?**

How many days in a row did you smoke, including the first day? _____ **day(s).**

☐ Ever Since ☐ Not Asked

☐ Don't know

☐ Refused

8. **ñí tôi xác nhÆn.. HiÆn gi© bản hút thuÓc hợng ngày hay vài ngày trong 1 tuÀn lÍ?**

Let me confirm... Are you currently smoking cigarettes everyday or some days?

- | | |
|-------------|--------------|
| • Everyday | • Don't know |
| • Some days | • Refused |
| | • Not asked |

9a. **Trung bình mội ngày bản hút mÃy Çi%ou?**

On average, how many cigarettes do you smoke per day? _____

9b. **Bản hút thuÓc mÃy ngày m¶t tuÀn?**

How many days per week do you smoke? _____

9c. **Trong nh»ng ngày bản hút thuÓc, trung bình mội ngày bản hút mÃy Çi%ou?**

On average how many cigarettes do you smoke per day on the days you smoke? _____

10. Mọi sáng sau khi thức dậy, khoảng bao lâu thì bạn hút Cigarette đầu tiên trong ngày?

How soon after you wake up do you usually smoke your first cigarette?

0-5 mins 6-30 mins 31-60 mins More than 60 mins
Don't know Refused

11.

Since <insert screen date>, did you use anything like the Nicotine Patch, Gum, Zyban or Chantix?

Kể từ ngày (screen date), bạn có dùng một dũ các phẩm cai thuốc nào như là băng dán nicotine, kẹo gum nicotine, thuốc viên Zyban hoặc thuốc viên Chantix không?

For this quit attempt, did you use anything like the Nicotine Patch, Gum, Zyban or Chantix to help you quit?

Trong thời gian này, bạn có dùng một dũ các phẩm cai thuốc nào như là băng dán nicotine, kẹo gum nicotine, thuốc viên Zyban hoặc thuốc viên Chantix không?

Bạn có dùng các dũ các phẩm cai thuốc lá như là băng dán nicotine, kẹo gum nicotine, thuốc viên Zyban hoặc thuốc viên Chantix không?

Did you use anything like the Nicotine Patch, Gum, Zyban or Chantix to help you quit?

- ☐ Yes
☐ No
☐ Don't know
☐ Refused
☐ Not Asked

Thuốc nào? Which ones?	Bạn có đang dùng hay không? Are you currently using them?	Bạn dùng trong bao lâu? How long did you use them for?	Trung bình, bạn dùng bao nhiêu mỗi ngày? On average, how many did you use per day?	Bạn dùng liều Cigarette nào? What dosage did you use?	Bạn có dùng trước khi bắt đầu cai thuốc không? Did you use them BEFORE your quit attempt?	Bạn lấy Cigarette từ đâu? Where did you get them?	Bạn Chi tốn bao nhiêu tiền? How much money did you spend on them?
☐ Patch	☐ Yes ☐ No ☐ D ☐ R ☐ Z	_____ days/weeks/ months ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	NOT ASKED	☐ 21mg (step1) ☐ 14mg (step2) ☐ 7mg (step3) ☐ Other: _____ ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Yes ☐ No ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Bought ☐ Given to me ☐ Help/Quit line ☐ Insurance ☐ Other: _____ ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	☐ \$0, Nothing ☐ \$1-30 ☐ \$31-50 ☐ \$51-100 ☐ More than \$100 ☐ D ☐ R ☐ Z
☐ Gum	☐ Yes ☐ No ☐ D ☐ R ☐ Z	_____ days/weeks/ months ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	_____/day ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ 2mg ☐ 4mg ☐ Other: _____ ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Yes ☐ No ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Bought ☐ Given to me ☐ Help/Quit line ☐ Insurance ☐ Other: _____ ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	☐ \$0, Nothing ☐ \$1-30 ☐ \$31-50 ☐ \$51-100 ☐ More than \$100 ☐ D ☐ R ☐ Z

☐ Zyban	☐ Yes ☐ No ☐ D ☐ R ☐ Z	<u> </u> days/weeks/ months ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	NOT ASKED	NOT ASKED	☐ Yes ☐ No ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Bought ☐ Given to me ☐ Help/Quit line ☐ Insurance ☐ Other: ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	☐ \$0, Nothing ☐ \$1-30 ☐ \$31-50 ☐ \$51-100 ☐ More than \$100 ☐ D ☐ R ☐ Z
☐ Chantix/ Varenicline	☐ Yes ☐ No ☐ D ☐ R ☐ Z	<u> </u> days/weeks/ months ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	NOT ASKED	NOT ASKED	☐ Yes ☐ No ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Bought ☐ Given to me ☐ Help/Quit line ☐ Insurance ☐ Other: ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	☐ \$0, Nothing ☐ \$1-30 ☐ \$31-50 ☐ \$51-100 ☐ More than \$100 ☐ D ☐ R ☐ Z
☐ Lozenge	☐ Yes ☐ No ☐ D ☐ R ☐ Z	<u> </u> days/weeks/ months ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	<u> </u> /day ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ 2mg ☐ 4mg ☐ Other: ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Yes ☐ No ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Bought ☐ Given to me ☐ Help/Quit line ☐ Insurance ☐ Other: ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	☐ \$0, Nothing ☐ \$1-30 ☐ \$31-50 ☐ \$51-100 ☐ More than \$100 ☐ D ☐ R ☐ Z
☐ Other: _____ _____ _____ _____ _____ -	☐ Yes ☐ No ☐ D ☐ R ☐ Z	<u> </u> days/weeks/ months ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	NOT ASKED	NOT ASKED	☐ Yes ☐ No ☐ D ☐ R ☐ Z	☐ Bought ☐ Given to me ☐ Help/Quit line ☐ Insurance ☐ Other: ☐ Don't Know ☐ Refused ☐ Not Asked	☐ \$0, Nothing ☐ \$1-30 ☐ \$31-50 ☐ \$51-100 ☐ More than \$100 ☐ D ☐ R ☐ Z
☐ D ☐ R ☐ Z							

12. Trong khoảng thời gian này, bạn có tham gia những chương trình khác hoặc dùng những phương pháp khác để giúp bạn cai không?

During this time, did you use any other programs or methods to quit smoking?

(Note to evaluator: these should be separate from quit aids)

- ☐ Yes... Which one? _____
- ☐ No
- ☐ Don't know
- ☐ Refused
- ☐ Not asked

13. IF DIDN'T USE ANY QUITTING AID..

Lý do nào khiến bạn không dùng bất cứ một loại thuốc cai thuốc nào?

What was your main reason for deciding not to use any quitting aids?

- ☐ Medi-Cal/Insurance plan
- ☐ Too expensive
- ☐ Side effects
- ☐ Do it on my own
- ☐ Decided not to quit
- ☐ Won't work for me
- ☐ Never received from ASQ Trung Tâm Cai Thuốc Lá
- ☐ Delivery took too long
- ☐ Other
- ☐ Don't Know
- ☐ Refused
- ☐ Not Asked

14. Bạn có đang dùng các loại thuốc khác có chứa nicotine như thuốc nhai, thuốc lá bột, xì gà, ống chiu (ống pip) không?

Do you currently use any other form of tobacco, such as chew/snuff, cigars or pipes?

- ☐ Yes
- ☐ No
- ☐ Don't know
- ☐ Refused

Loại nào?

Which ones?

- ☐ Chew
- ☐ Cigars
- ☐ Pipes
- ☐ Other: _____

If CHEW/SNUFF: Bạn nhai hay hít bao nhiêu thuốc mỗi tuần?

How much tobacco do you use per week?

- ☐ Don't know
- ☐ Refused

If CHEW/SNUFF: Nó là hộp hay túi nhỏ?

Is that cans or pouches?

If CIGARS: Mỗi tuần, bạn hút mấy ống xì gà?

How many do you smoke per week?

- ☐ Don't know
- ☐ Refused

15. Nếu bạn bỏ thuốc lá hôm nay, bạn tự tin cỡ nào là bạn có thể bỏ hút thuốc trong một tuần lễ?

If you were to quit today, how confident are you that you could go without smoking for one week, would you say: very confident, confident, or not confident?

Bạn tự tin cỡ nào là bạn có thể tiếp tục cai trong một tuần tới? Bạn nghĩ là bạn rất tự tin, tự tin, hay không tự tin?

How confident are you that you could continue without smoking for one week, would you say: very confident, confident, or not confident?

- ☐ Very Confident
- ☐ Confident
- ☐ Not Confident
- ☐ Don't know
- ☐ Refused

16. Bạn có lời khuyên nào quan trọng nhất để nhìn lại cho những người đang cố gắng cai thuốc lá (Nếu có gì đã giúp bạn cai thuốc)?

Briefly what is the most important advice you would offer to someone who's trying to quit smoking?
(Was there anything in particular that helped you?)

- ☐ Advice: _____
- ☐ None
- ☐ Don't know
- ☐ Refused

END EVAL: Đây là tất cả những câu chúng tôi cần hỏi bạn. Cảm ơn bạn đã bỏ chút thì giờ trả lời chúng tôi.

Those are all the questions I have for you, thank you for your time.

Comments: _____
